

# **Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**

*Các Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán  
31 tháng 12 năm 2007*

*và Báo cáo của Hội đồng Quản trị*

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

## MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 1 - 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 3

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng Cân Đối Kế Toán 4 - 5

Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh 6

Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ 7

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính 8 - 19

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày.

### CÔNG TY

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“VCBF”) là công ty liên doanh được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Các bên trong liên doanh gồm Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam và Viet Capital Holding Pte Ltd., với tỉ lệ góp vốn tương ứng là 51% và 49%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư, quản lý các danh mục đầu tư theo quy định hiện hành.

Công ty được phép hoạt động trong thời gian 30 năm kể từ ngày thành lập.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lợi nhuận sau thuế trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 54.528.860 ngàn đồng Việt Nam (2006: 69.373.383 ngàn đồng Việt Nam).

Trong năm 2007, Công ty đã trả cổ là 33.376.320 ngàn đồng Việt Nam (2006: Không).

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                         |              |                                        |
|-------------------------|--------------|----------------------------------------|
| Tiến sĩ Vũ Viết Ngoạn   | Chủ tịch     | từ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2007      |
| Ông Phạm Quang Dũng     | Chủ tịch     | được bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2007 |
| Bà Goh Gui Qing         | Phó Chủ tịch |                                        |
| Bà Nguyễn Thị Bích Liên | Thành viên   |                                        |
| Ông Fulvio Dobrich      | Thành viên   |                                        |
| Ông Phạm Thanh Hà       | Thành viên   | được bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2007 |

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

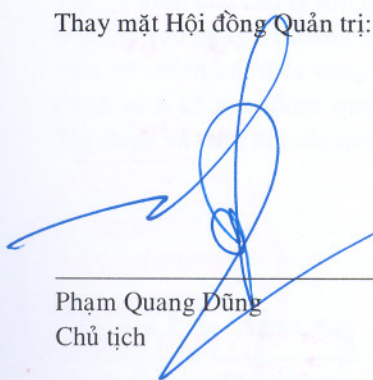
Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Phạm Quang Dũng  
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 2 năm 2008

Số tham chiếu: 11360/11107

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**các báo cáo tài chính của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ có liên quan cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo ("các báo cáo tài chính") được trình bày từ trang 4 đến trang 19. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến kiểm toán**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

**Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.



Maria Cristina M. Calimbas  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên công chứng  
Số đăng ký: N.1073/KTV

Đoàn Thị Thu Thủy  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên công chứng  
Số đăng ký: N.1070/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 2 năm 2008

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư  
Chứng khoán Vietcombank

B01-CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ngày 31 tháng 12 năm 2007

Ngàn VND

| Mã số      | TÀI SẢN                                        | Thuyết minh | Số cuối năm        | Số đầu năm        |
|------------|------------------------------------------------|-------------|--------------------|-------------------|
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG</b>                     |             | <b>127.685.465</b> | <b>78.353.427</b> |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>   |             | <b>37.079.931</b>  | <b>6.730.618</b>  |
| 111        | 1. Tiền mặt tại quỹ                            |             | 7.323              | 287               |
| 112        | 2. Tiền gửi ngân hàng                          |             | 1.627.008          | 1.730.331         |
| 114        | 3. Tiền gửi có kỳ hạn                          |             | 35.445.600         | 5.000.000         |
| <b>120</b> | <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b> | <b>3</b>    | <b>63.300.000</b>  | <b>-</b>          |
| 121        | 1. Đầu tư ủy thác                              |             | 33.000.000         | -                 |
| 128        | 2. Chứng khoán tự doanh                        |             | 30.300.000         | -                 |
| <b>130</b> | <b>III Các khoản phải thu</b>                  |             | <b>27.201.421</b>  | <b>71.535.500</b> |
| 132        | 1. Phải thu các bên liên quan                  | 16          | 26.336.221         | 70.489.659        |
| 134        | 2. Phải thu khác                               | 4           | 865.200            | 1.045.841         |
| <b>150</b> | <b>IV. Tài sản lưu động khác</b>               |             | <b>104.113</b>     | <b>87.309</b>     |
| 151        | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                  |             | 104.113            | 87.309            |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>                      |             | <b>5.662.102</b>   | <b>1.126.621</b>  |
| <b>210</b> | <b>I. Tài sản cố định</b>                      |             | <b>3.560.040</b>   | <b>1.126.621</b>  |
| 211        | 1. Tài sản cố định hữu hình                    | 5           | 2.008.245          | 1.126.621         |
| 212        | Nguyên giá                                     |             | 2.784.112          | 1.426.917         |
| 213        | Giá trị hao mòn lũy kế                         |             | (775.867)          | (300.296)         |
| 227        | 2. Tài sản cố định vô hình                     | 6           | 1.551.795          | -                 |
| 228        | Nguyên giá                                     |             | 1.578.528          | -                 |
| 229        | Giá trị hao mòn lũy kế                         |             | (26.733)           | -                 |
| <b>260</b> | <b>II. Tài sản cố định khác</b>                |             | <b>2.102.062</b>   | <b>-</b>          |
| 261        | 1. Chi phí trả trước dài hạn                   | 7           | 2.102.062          | -                 |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                       |             | <b>133.347.567</b> | <b>79.480.048</b> |

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư  
Chứng khoán Vietcombank

B01-CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2007

Ngàn VND

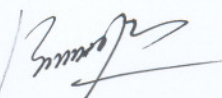
| Mã số      | NGUỒN VỐN                     | Thuyết minh | Số cuối năm        | Số đầu năm        |
|------------|-------------------------------|-------------|--------------------|-------------------|
| <b>300</b> | <b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>         |             | <b>39.707.129</b>  | <b>2.106.665</b>  |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>         |             | <b>6.450.461</b>   | <b>2.106.665</b>  |
| 314        | 1. Thuế phải nộp Nhà nước     | 8           | 651.438            | 894.832           |
| 315        | 2. Phải trả công nhân viên    |             | 951.115            | 460.985           |
| 316        | 3. Chi phí phải trả           |             | 127.140            | -                 |
| 319        | 4. Phải trả khác              | 9           | 4.720.768          | 750.848           |
| <b>340</b> | <b>II. Nợ dài hạn</b>         |             | <b>33.256.668</b>  | <b>-</b>          |
| 333        | 1. Dự phòng trợ cấp thôi việc |             | 256.668            | -                 |
| 336        | 2. Nợ dài hạn khác            | 10          | 33.000.000         | -                 |
| <b>400</b> | <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>      |             | <b>93.640.438</b>  | <b>77.373.383</b> |
| <b>410</b> | <b>I. Nguồn vốn</b>           | <b>11.1</b> | <b>89.934.867</b>  | <b>77.373.383</b> |
| 411        | 1. Vốn điều lệ đã góp         |             | 8.000.000          | 8.000.000         |
| 413        | 2. Vốn khác của chủ sở hữu    |             | 30.000.000         | -                 |
| 417        | 3. Quỹ đầu tư                 |             | 6.937.339          | -                 |
| 418        | 4. Quỹ dự phòng tài chính     |             | 3.468.669          | -                 |
| 420        | 5. Lợi nhuận chưa phân phối   |             | 41.528.859         | 69.373.383        |
| <b>420</b> | <b>II. Quỹ khác</b>           |             | <b>3.705.571</b>   | <b>-</b>          |
| 421        | 1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi  | 11.1        | 3.705.571          | -                 |
| <b>430</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>    |             | <b>133.347.567</b> | <b>79.480.048</b> |

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU                     | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------|-------------|------------|
| Ngoại tệ các loại (Đô la Mỹ) | 444.220     | 48.450     |



Ông Trần Việt Anh  
Quyền Tổng Giám đốc

  
Bà Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 2 năm 2008

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư  
Chứng khoán Vietcombank

B02-CTQ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Ngàn VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                                   | Thuyết minh | Năm nay        | Năm trước     |
|-------|--------------------------------------------|-------------|----------------|---------------|
| 01    | 1. Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ      | 12          | 68.236.880 ✓   | 78.384.253 ✓  |
| 13    | 2. Doanh thu hoạt động tài chính           | 13          | 3.480.043 ✓    | 635.364 ✓     |
| 14    | 3. Chi phí tài chính                       |             | (232.834) ✓    | (1.804) ✓     |
| 15    | 4. Chi phí quản lý doanh nghiệp            | 14          | (17.022.391) ✓ | (9.646.190) ✓ |
| 16    | 5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh |             | 54.461.698 ✓   | 69.371.623 ✓  |
| 17    | 6. Thu nhập khác                           |             | 67.214 ✓       | 1.760 ✓       |
| 18    | 7. Chi phí khác                            |             | (52) ✓         | -             |
| 19    | 8. Lợi nhuận khác                          |             | 67.162 ✓       | 1.760 ✓       |
| 20    | 9. Tổng lợi nhuận trước thuế               |             | 54.528.860 ✓   | 69.373.383 ✓  |
| 21    | 10. Thuế TNDN phải nộp                     | 15          | -              | -             |
| 22    | 11. Lợi nhuận sau thuế                     |             | 54.528.860 ✓   | 69.373.383 ✓  |



Ông Trần Việt Anh  
Quyền Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 2 năm 2008

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư  
Chứng khoán Vietcombank

B03-CTQ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Phương pháp trực tiếp)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Ngàn VND

| Mã số     | CHỈ TIÊU                                              | Thuyết minh | Năm nay             | Năm trước        |
|-----------|-------------------------------------------------------|-------------|---------------------|------------------|
|           | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>     |             |                     |                  |
| 01        | Tiền thu từ phí quản lý quỹ                           |             | 109.684.510         | 4.032.877        |
| 03        | Tiền thu từ phí phát hành                             |             | 4.550.000           | 4.604.994        |
| 05        | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                 |             | 398.943             | 1.760            |
| 06        | Tiền trả cho người cung cấp                           |             | (7.263.515)         | (3.768.080)      |
| 07        | Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước |             | (3.706.562)         | -                |
| 09        | Tiền trả cho cán bộ công nhân viên                    |             | (9.471.932)         | (2.970.108)      |
| 10        | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                |             | 1.442.917           | (2.269.344)      |
| <b>30</b> | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>  |             | <b>95.634.361</b>   | <b>(367.901)</b> |
|           | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>        |             |                     |                  |
| 31        | Tiền chi để mua tài sản cố định                       | 5, 6        | (2.935.723)         | (1.272.389)      |
| 33        | Tiền đầu tư chứng khoán                               | 3           | (63.300.000)        | -                |
| 37        | Thu lãi tiền gửi                                      |             | 1,326,995           | 370.908          |
| <b>40</b> | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>      |             | <b>(64.908.728)</b> | <b>(901.481)</b> |
|           | <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>    |             |                     |                  |
| 41        | Vốn góp của chủ sở hữu                                |             | -                   | 8.000.000        |
| 46        | Chia cổ tức                                           | 11.1        | (33.376.320)        | -                |
| 47        | Tiền nhận từ nhà đầu tư uỷ thác                       | 3           | 33.000.000          | -                |
| <b>50</b> | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>   |             | <b>(376.320)</b>    | <b>8.000.000</b> |
| <b>60</b> | <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                |             | <b>30.349.313</b>   | <b>6.730.618</b> |
| <b>70</b> | <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>     |             | <b>6.730.618</b>    | <b>-</b>         |
| <b>90</b> | <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>    |             | <b>37.079.931</b>   | <b>6.730.618</b> |



Ông Trần Việt Anh  
Quyền Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 2 năm 2008

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

## 1. CÔNG TY

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“VCBF”) là công ty liên doanh được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Các bên trong liên doanh gồm Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam và Viet Capital Holding Pte Ltd., với tỉ lệ góp vốn tương ứng là 51% và 49%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư, quản lý các danh mục đầu tư theo quy định hiện hành.

Công ty được phép hoạt động trong thời gian 30 năm kể từ ngày thành lập.

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VNĐ”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và theo các chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính. Theo Quyết định này, các báo cáo tài chính của Công ty bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (phương pháp trực tiếp)
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động và thuyết minh báo cáo tài chính và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các chính sách, thủ tục và thông lệ kế toán của Công ty và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### *Chính sách kế toán*

Các chính sách kế toán được áp dụng một cách nhất quán từ năm trước đến năm nay.

### *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

### *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký Chung.

### *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thời gian đáo hạn gốc ít hơn 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *Đầu tư*

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua thực tế trừ đi khoản dự phòng thích hợp. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư cho phần chênh lệch giá mua thực tế cao hơn thị giá vào thời điểm cuối năm.

### *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### *Tài sản cố định*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

|                      |        |
|----------------------|--------|
| Phương tiện vận tải  | 6 năm  |
| Thiết bị văn phòng   | 3 năm  |
| Tài sản vô hình khác | 20 năm |

### *Các khoản phải trả và trích trước*

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### *Chi phí trả trước dài hạn*

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí thuê văn phòng. Khoản chi phí này sẽ được phân bổ trong khoảng thời gian mà số tiền thuê đã trả trước hay trong khoảng thời gian mà nó mang lại lợi ích cho công ty.

### *Trích trước trợ cấp thôi việc*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn một năm với mức trích bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi trích lập quỹ và được các cổ đông thông qua trong cuộc họp thường niên.

### *Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo quyết định của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Việc trích lập Quỹ dự phòng tài chính nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty khi xảy ra các rủi ro hoặc lỗ trong kinh doanh hoặc là nhằm dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng, ví dụ như cháy nổ, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc ở một nơi nào khác, v.v..

### *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế doanh nghiệp theo quyết định của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty

### *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo quyết định của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên nhằm mục đích động viên, khen thưởng dưới hình thức vật chất, nâng cao lợi ích vật chất và tinh thần cho người lao động.

### *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục đầu tư, phí phát hành và phí thưởng hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có xem xét đến lợi tức hiện tại của tài sản) trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

### *Thuế*

#### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm này được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

*Thuế (tiếp theo)*

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

## 3. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Khoản đầu tư uỷ thác trị giá 33.000.000 ngàn VNĐ thể hiện số vốn đầu tư uỷ thác vào Công ty Cổ Phần Bia Việt Hà (Thuyết minh số 10).

Chứng khoán tự doanh thể hiện khoản góp 6% vốn thành lập Quỹ thành viên Vietcombank 3 trị giá 30.300.000 ngàn VNĐ.

## 4. PHẢI THU KHÁC

Ngàn VNĐ

| CHỈ TIÊU                                            | Số cuối năm    | Số đầu năm       |
|-----------------------------------------------------|----------------|------------------|
| 1. Phải thu lãi tiền gửi                            | 594.301        | 259.700          |
| 2. Phí quản lý phải thu từ hoạt động uỷ thác đầu tư | 214.000        | -                |
| 3. Ký quỹ mua cổ phiếu DORUCO                       | -              | 732.000          |
| 4. Trả trước cho nhà cung cấp                       | -              | 35.756           |
| 5. Phải thu khác                                    | 56.899         | 18.385           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                    | <b>865.200</b> | <b>1.045.841</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

**5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                               | Ngàn VNĐ                   |                           |                  |
|-------------------------------|----------------------------|---------------------------|------------------|
|                               | <i>Phương tiện vận tải</i> | <i>Thiết bị văn phòng</i> | <i>Tổng cộng</i> |
| <b>Nguyên giá</b>             |                            |                           |                  |
| Số đầu năm                    | 801.950 ✓                  | 624.967 ✓                 | 1.426.917 ✓      |
| Tăng trong năm                | 1.247.540 ✓                | 109.655 ✓                 | 1.357.195 ✓      |
| Số cuối năm                   | 2.049.490 ✓                | 734.622 ✓                 | 2.784.112 ✓      |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                            |                           |                  |
| Số đầu năm                    | 127.191 ✓                  | 173.105 ✓                 | 300.296 ✓        |
| Tăng trong năm                | 259.977 ✓                  | 215.594 ✓                 | 475.571 ✓        |
| Số cuối năm                   | 387.168                    | 388.699                   | 775.867          |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                            |                           |                  |
| Số đầu năm                    | 674.759 ✓                  | 451.862 ✓                 | 1.126.621 ✓      |
| Số cuối năm                   | 1.662.322 ✓                | 345.923 ✓                 | 2.008.245 ✓      |

**6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

|                               | Ngàn VNĐ                            |
|-------------------------------|-------------------------------------|
|                               | <i>Tài sản cố định vô hình khác</i> |
| <b>Nguyên giá</b>             |                                     |
| Tăng trong năm và số cuối năm | 1.578.528 ✓                         |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                                     |
| Tăng trong năm và số cuối năm | 26.733 ✓                            |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                                     |
| Số cuối năm                   | 1.551.795 ✓                         |

Tài sản cố định vô hình khác là giá trị của thẻ hội viên sân golf được phân bổ trong thời gian 20 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí thuê văn phòng Hà Nội.

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Ngàn VND

| CHỈ TIÊU              | Số cuối năm    | Số đầu năm     |
|-----------------------|----------------|----------------|
| Thuế thu nhập cá nhân | 644.910        | 894.832        |
| Thuế nhà thầu         | 6.527          | -              |
| <b>TỔNG CỘNG</b>      | <b>651.437</b> | <b>894.832</b> |

**9. PHẢI TRẢ KHÁC**

Ngàn VND

| CHỈ TIÊU                            | Số cuối năm      | Số đầu năm     |
|-------------------------------------|------------------|----------------|
| Giảm trừ phí quản lý (xem bên dưới) | 3.609.536        | -              |
| Phí tư vấn                          | 402.315          | 462.435        |
| Phí bảo hiểm AON                    | 394.937          | -              |
| Phụ cấp cho Hội đồng Quản trị       | 247.551          | 115.056        |
| Phải trả khác                       | 66.430           | 173.357        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                    | <b>4.720.769</b> | <b>750.848</b> |

Theo hợp đồng ký ngày 11 tháng 12 năm 2006, Công ty đồng ý trả cho DBS Private Banking số tiền 0.5% mỗi năm từ phần phí quản lý thu được từ phần vốn đầu tư trong VPF2 mà được huy động bởi hoặc thông qua DBS Private Banking.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

**10. NỢ DÀI HẠN KHÁC**

Nợ dài hạn khác thể hiện khoản tiền phải trả cho nhà uỷ thác đầu tư. (Thuyết minh số 3)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, chi tiết các nhà đầu tư uỷ thác như sau:

| <i>Cá nhân</i>      | <i>Ngàn VNĐ</i><br><i>Số cuối năm</i> |
|---------------------|---------------------------------------|
| Vũ Tô Như           | 1,000,000 ✓                           |
| Nguyễn Thị Thu Hiền | 500,000 ✓                             |
| Nguyễn Đức Thuyết   | 7,000,000 ✓                           |
| Trần Quốc Hiền      | 4,000,000 ✓                           |
| Hồng Quang Tuấn     | 7,000,000 ✓                           |
| Trương Thị Kim Chi  | 7,000,000 ✓                           |
| Thái Thu Hồng       | 2,700,000 ✓                           |
| Đặng Thị Hoan       | 3,800,000 ✓                           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>    | <b>33,000,000</b>                     |

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư  
Chứng khoán Vietcombank

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

11. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

11.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

|                     | Ngàn VND  |                             |                           |                             |                                |                              |
|---------------------|-----------|-----------------------------|---------------------------|-----------------------------|--------------------------------|------------------------------|
|                     | Vốn góp   | Quỹ đầu tư và<br>phát triển | Quỹ dự phòng<br>tài chính | Lợi nhuận chưa<br>phân phối | Quỹ khen thưởng<br>và phúc lợi | Vốn khác thuộc<br>chủ sở hữu |
|                     |           |                             |                           |                             |                                | Tổng cộng                    |
| <b>Năm trước</b>    |           |                             |                           |                             |                                |                              |
| Số đầu năm          | -         | -                           | -                         | -                           | -                              | -                            |
| Vốn tăng trong năm  | 8.000.000 | -                           | -                         | -                           | -                              | 8.000.000                    |
| Lợi nhuận trong năm | -         | -                           | -                         | 69.373.383                  | -                              | 69.373.383                   |
| Số cuối năm         | 8.000.000 | -                           | -                         | 69.373.383                  | -                              | 77.373.383                   |
| <b>Năm nay</b>      |           |                             |                           |                             |                                |                              |
| Số đầu năm          | 8.000.000 | -                           | -                         | 69.373.383                  | -                              | 77.373.383                   |
| Lợi nhuận trong năm | -         | -                           | -                         | 54.528.860                  | -                              | 54.528.860                   |
| Chi trả cổ tức      | -         | -                           | -                         | (33.376.320)                | -                              | (33.376.320)                 |
| Trích lập quỹ       | -         | 6.937.339                   | 3.468.669                 | (48.997.064)                | 8.591.056                      | 30.000.000                   |
| Sử dụng quỹ         | -         | -                           | -                         | -                           | (4.885.485)                    | (4.885.485)                  |
| Số cuối năm         | 8.000.000 | 6.937.339                   | 3.468.669                 | 41.528.859                  | 3.705.571                      | 93.640.438                   |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

**11. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**11.2 Vốn điều lệ**

|                                 | Theo giấy phép<br>thành lập | %          | Vốn điều lệ đã<br>góp | Ngàn VNĐ<br>Vốn điều lệ<br>chưa góp |
|---------------------------------|-----------------------------|------------|-----------------------|-------------------------------------|
| Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam | 4.080.000                   | 51         | 4.080.000             | -                                   |
| Viet Capital Holding Pte Ltd.   | 3.920.000                   | 49         | 3.920.000             | -                                   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                | <b>8.000.000</b>            | <b>100</b> | <b>8.000.000</b>      | <b>-</b>                            |

**12. DOANH THU**

Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ và thưởng hoạt động lần lượt là 37.463.545 ngàn VNĐ và 25.577.888 ngàn VNĐ được xác định dựa trên công thức quy định trong hợp đồng quản lý quỹ và điều lệ hoạt động của Quỹ thành viên Vietcombank 1 (“VPF1”), Quỹ thành viên Vietcombank 2 (“VPF2”) và Quỹ thành viên Vietcombank 3 (“VPF3”) với chi tiết như sau:

|                                        | Ngàn VNĐ          |                   |
|----------------------------------------|-------------------|-------------------|
| CHỈ TIÊU                               | Năm nay           | Năm trước         |
| 1. Doanh thu từ thưởng hoạt động       | 25.577.888        | 68.487.203        |
| Trong đó:                              |                   |                   |
| Doanh thu từ thưởng hoạt động quỹ VPF1 | 25.577.888        | 68.487.203        |
| 2. Doanh thu từ phí phát hành          | 4.550.000         | 5.864.177         |
| Trong đó:                              |                   |                   |
| Phí phát hành quỹ VPF1                 | -                 | 5.864.177         |
| Phí phát hành quỹ VPF3                 | 4.550.000         | -                 |
| 3. Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ  | 37.463.545        | 4.032.873         |
| Trong đó:                              |                   |                   |
| Phí quản lý quỹ VPF1                   | 4.000.000         | 4.032.873         |
| Phí quản lý quỹ VPF2                   | 32.705.212        | -                 |
| Phí quản lý quỹ VPF3                   | 758.333           | -                 |
| 4. Doanh thu từ các hoạt động khác     | 645.447           | -                 |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                       | <b>68.236.880</b> | <b>78.384.253</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| Ngàn VND                 |                  |                |
|--------------------------|------------------|----------------|
| CHỈ TIÊU                 | Năm nay          | Năm trước      |
| 1. Lãi tiền gửi          | 3.352.307        | 635.212        |
| 2. Lãi chênh lệch tỷ giá | 127.736          | 152            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>         | <b>3.480.043</b> | <b>635.364</b> |

14. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| Ngàn VND                                                       |                   |                  |
|----------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|
| CHỈ TIÊU                                                       | Năm nay           | Năm trước        |
| 1. Chi phí nhân công                                           | 7.883.973         | 4.603.734        |
| 2. Chi phí dịch vụ mua ngoài                                   | 5,439,352         | 3.368.076        |
| 3. Thù lao Hội đồng Quản trị                                   | 1.326.903         | 410.805          |
| 4. Chi phí khấu hao tài sản cố định<br>(Thuyết minh số 5 và 6) | 502.304           | 300.296          |
| 5. Chi phí giao tế                                             | 1.162.712         | 453.311          |
| 6. Chi phí khác                                                | 707,147           | 509.968          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                               | <b>17.022.391</b> | <b>9.646.190</b> |

15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("THUẾ TNDN")

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được trong 10 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 28% trong các năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% trong 3 năm tiếp theo.

Công ty đang trong giai đoạn miễn thuế do đó không lập dự phòng thuế TNDN cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

**13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Ngàn VND

| CHỈ TIÊU                 | Năm nay          | Năm trước      |
|--------------------------|------------------|----------------|
| 1. Lãi tiền gửi          | 3.352.307        | 635.212        |
| 2. Lãi chênh lệch tỷ giá | 127.736          | 152            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>         | <b>3.480.043</b> | <b>635.364</b> |

**14. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Ngàn VND

| CHỈ TIÊU                                                       | Năm nay           | Năm trước        |
|----------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|
| 1. Chi phí nhân công                                           | 7.883.973         | 4.603.734        |
| 2. Chi phí dịch vụ mua ngoài                                   | 5.439.352         | 3.368.076        |
| 3. Thù lao Hội đồng Quản trị                                   | 1.326.903         | 410.805          |
| 4. Chi phí khấu hao tài sản cố định<br>(Thuyết minh số 5 và 6) | 502.304           | 300.296          |
| 5. Chi phí giao tế                                             | 1.162.712         | 453.311          |
| 6. Chi phí khác                                                | 707.147           | 509.968          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                               | <b>17.022.391</b> | <b>9.646.190</b> |

**15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("THUẾ TNDN")**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được trong 10 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 28% trong các năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% trong 3 năm tiếp theo.

Công ty đang trong giai đoạn miễn thuế do đó không lập dự phòng thuế TNDN cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

# 16. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Ngàn VND

| Bên liên quan                   | Mối quan hệ                        | Nội dung nghiệp vụ                      | Giá trị                            |
|---------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|
| Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam | Công ty đầu tư                     | Chi trả cổ tức                          | 17.021.923                         |
| Viet Capital Holding Pte Ltd    | Công ty đầu tư                     | Chi trả cổ tức                          | 16.354.397                         |
| Quỹ thành viên Vietcombank 1    | Công ty liên kết, quỹ được quản lý | Thưởng hoạt động<br>Phí quản lý         | 25.577.888<br>4.000.000            |
| Quỹ thành viên Vietcombank 2    | Công ty liên kết, quỹ được quản lý | Phí quản lý                             | 32.705.212                         |
| Quỹ thành viên Vietcombank 3    | Công ty liên kết, quỹ được quản lý | Góp vốn<br>Phí quản lý<br>Phí phát hành | 30.000.000<br>758.333<br>4.550.000 |

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Ngàn VND

|                              | Mối quan hệ                        | Giá trị           |
|------------------------------|------------------------------------|-------------------|
| Quỹ thành viên Vietcombank 1 | Công ty liên kết, quỹ được quản lý | 25.577.888        |
| Quỹ thành viên Vietcombank 3 | Công ty liên kết, quỹ được quản lý | 758.333           |
| <b>TOTAL</b>                 |                                    | <b>26.336.221</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

17. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

| CHỈ TIÊU                                                        | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------------------------------------------|---------|-----------|
| <b>1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>                                 |         |           |
| - Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản                                 | 4%      | 1%        |
| - Tài sản lưu động/ Tổng tài sản                                | 96%     | 99%       |
| <b>2. Tỷ suất sinh lợi</b>                                      |         |           |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu                         | 80%     | 89%       |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ đã góp                | 682%    | 867%      |
| <b>3. Tình hình tài chính</b>                                   |         |           |
| - Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản                               | 30%     | 3%        |
| - Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn           | 1.556%  | 319%      |
| - Tổng giá trị còn lại của tài sản cố định/ Tổng vốn chủ sở hữu | 4%      | 1%        |



Ông Trần Việt Anh  
Quyền Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 2 năm 2008